VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân

Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật phá sản ngày 19 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân..[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân dưới các hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

2. Thủ tục thu hồi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Thủ tục thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lại, thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

---

[1] Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài."

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chia quỹ tín dụng nhân dân* là việc một quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân bị chia) chia toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để thành lập hai quỹ tín dụng nhân dân mới trở lên, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của quỹ tín dụng nhân dân bị chia.

2. *Tách quỹ tín dụng nhân dân* là việc một quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân bị tách) tách một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để thành lập một hoặc một số quỹ tín dụng nhân dân mới mà không chấm dứt sự tồn tại của quỹ tín dụng nhân dân bị tách.

3. *Hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân* là việc hai quỹ tín dụng nhân dân trở lên (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất) hợp nhất toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để thành lập một quỹ tín dụng nhân dân mới (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất.

4. *Sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân* là việc một hoặc một số quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập) chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang một quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập.

5. *Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại* bao gồm quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập và nhận sáp nhập.

6. *Quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới* là quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện chia, tách, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân.

7. *Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại* gồm quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập và quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới.

8. *Cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên* là cuộc họp gồm thành viên góp vốn của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới sau khi được Ngân hàng Nhà

nước chấp thuận nguyên tắc, có nhiệm vụ thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, bầu các chức danh Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách trong trường hợp chỉ bầu 01 kiểm soát viên chuyên trách (sau đây gọi là kiểm soát viên chuyên trách) nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, thu hồi Giấy phép, giám sát thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân

1. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) chấp thuận tổ chức lại, quyết định thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh giám sát quá trình thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

Điều 5. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Văn bản đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại ký; văn bản đề nghị giải thể quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân ký.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại, Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt.

3. Trường hợp các giấy tờ trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

4. Quỹ tín dụng nhân dân gửi hồ sơ đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh bằng một trong các hình thức: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện.

Chương II
TỔ CHỨC LẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện trên cơ sở phương án tổ chức lại được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục của quỹ tín dụng nhân dân; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên quỹ tín dụng nhân dân, khách hàng trong quá trình tổ chức lại.

4. Việc chuyển nhượng, mua bán tài sản trong quá trình tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên, đảm bảo an toàn tài sản và không ảnh hưởng đến quyền lợi của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc tổ chức lại.

5. Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại kế thừa quyền và nghĩa vụ của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

6. Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất hết hiệu lực khi quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới khai trương hoạt động. Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập hết hiệu lực khi quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập hoàn thành thủ tục thay đổi đăng ký hợp tác xã.

Điều 7. Địa bàn, phạm vi, nội dung hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại

Địa bàn, phạm vi, nội dung hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải phù hợp với phương án tổ chức lại được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt.

Điều 8. Yêu cầu đối với việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Phương án tổ chức lại có tính khả thi, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, được xây dựng và thông qua theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại (bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán độc lập hằng năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng) phải có báo cáo tài chính của năm liền kề đã được kiểm toán, trừ quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt.

3. Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ góp vốn của thành viên; địa bàn hoạt động; phạm vi, nội dung hoạt động; tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc; các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Điều 9. Hội đồng tổ chức lại

1. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thành lập Hội đồng tổ chức lại để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân. Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại do các thành viên Hội đồng tổ chức lại bầu.

2. Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại.

3. Hội đồng tổ chức lại có trách nhiệm:

a) Xây dựng phương án tổ chức lại;

b) Đề nghị Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại triệu tập Đại hội thành viên để thông qua phương án tổ chức lại và các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

c) Đề xuất cơ cấu tổ chức, nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

d) Thay mặt quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thực hiện thủ tục tổ chức lại theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và chính xác của các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại.

Điều 10. Công bố thông tin tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải niêm yết tại trụ sở chính, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; công bố trên đài truyền thanh hoặc đài phát thanh xã nơi đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân trong 07 ngày làm việc các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

b) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

c) Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại;

d) Người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

đ) Thông tin dự kiến về quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại, bao gồm: tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, địa bàn hoạt động.

2. Sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải niêm yết tại trụ sở chính, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; công bố trên đài truyền thanh hoặc đài phát thanh xã nơi đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân trong 03 ngày liên tiếp và đăng trên một tờ báo của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong 03 số liên tiếp các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

b) Số, ngày quyết định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

c) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

d) Nội dung, phạm vi, thời hạn và địa bàn hoạt động; vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

đ) Người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

e) Danh sách và tỷ lệ góp vốn tương ứng của từng thành viên tham gia góp vốn tại quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

g) Ngày dự kiến khai trương hoạt động đối với quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới;

h) Thông tin chính thức về việc chấm dứt hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất, bao gồm:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

(ii) Ngày dự kiến chấm dứt hoạt động.

Mục 2
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN TỔ CHỨC LẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phương án tổ chức lại theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

c) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua:

(i) Phương án tổ chức lại;

(ii) Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất đối với trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện sáp nhập, hợp nhất;

(iii) Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi);

(iv) Những nội dung thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận của quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập;

d) Báo cáo tài chính năm liền kề thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải chịu trách nhiệm về nội dung báo tài chính đã nộp;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi), trong đó bao gồm: họ và tên, chức danh hiện tại (nếu có) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm;

e) Tài liệu chứng minh năng lực của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi) gồm:

(i) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Phiếu lý lịch tư pháp của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật về lý lịch tư pháp. Phiếu lý lịch tư pháp phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm quỹ tín dụng nhân dân nộp hồ sơ tối đa 06 tháng;

(iii) Bảng kê khai người có liên quan của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

(iv) Các văn bằng, chứng chỉ của nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm chứng minh về việc đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp văn bằng, chứng chỉ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận theo quy định của pháp luật có liên quan;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện sáp nhập, hợp nhất phải nộp hợp đồng sáp nhập, hợp nhất được Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất ký. Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất; thủ tục sáp nhập, hợp nhất; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, thời hạn thực hiện sáp nhập, hợp nhất.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại bao gồm:

a) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án tổ chức lại đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị chấp thuận nguyên tắc (nếu có);

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án tổ chức lại đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại (nếu có);

c) Hồ sơ đề nghị chấp thuận những nội dung thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đối với quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

d) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới về việc:

(i) Bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận;

(ii) Các nội dung khác theo quy định phải được các thành viên tham dự cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên biểu quyết thông qua theo đa số;

đ) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập về việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận (nếu có thay đổi);

e) Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi) về việc bổ nhiệm Giám đốc theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận;

g) Danh sách các thành viên tham gia góp vốn tại quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại, có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);

(ii) Số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân hoặc số hộ chiếu (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp (đối với thành viên là pháp nhân);

(iii) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên.

Điều 12. Phương án tổ chức lại

1. Phương án tổ chức lại phải được Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại.

2. Phương án tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này) tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử (nếu có) của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

b) Lý do tổ chức lại;

c) Tình hình tài chính và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại trong năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ;

d) Giá trị thực của vốn điều lệ, nợ xấu tính đến thời điểm nộp hồ sơ; việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại trong năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Lộ trình thực hiện tổ chức lại;

e) Dự kiến về tên, địa bàn hoạt động, địa điểm đặt trụ sở chính và mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ, phạm vi, nội dung hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân hình thành sau tổ chức lại phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan;

g) Phương án kinh doanh dự kiến của từng năm trong 03 năm tiếp theo của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại; trong đó tối thiểu phải có mục tiêu và kế hoạch kinh doanh và dự kiến thực hiện quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của từng năm và phân tích, thuyết minh khả năng thực hiện phương án;

h) Biện pháp chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin quản lý, hệ thống truyền dữ liệu, hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi hoàn tất quá trình tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

i) Dự trù chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức lại và nguyên tắc phân bổ chi phí đối với quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

k) Phương án xử lý đối với người lao động làm việc tại quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

l) Đánh giá tác động của việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân và phương án xử lý các tồn tại, yếu kém (nếu có) nhằm đảm bảo hoạt động an toàn và liên tục của quỹ tín dụng nhân dân trong quá trình tổ chức lại;

m) Quyền lợi, nghĩa vụ của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, các tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu có);

n) Nguyên tắc, phương án phân chia tài sản (đối với quỹ tín dụng nhân dân thực hiện chia, tách) trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

o) Phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay (nếu có).

3. Phương án sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt được xây dựng và phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 149, Điều 149a và Điều 149b Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

Điều 13. Trình tự chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Chấp thuận nguyên tắc:

a) Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi lấy ý kiến:

(i) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại đặt trụ sở chính về ảnh hưởng của việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân đối với sự ổn định kinh tế, xã hội trên địa bàn;

(ii) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại đặt trụ sở chính về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

(iii)[2] **(*Được bãi bỏ*)**;

d)[3] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị;

---

[2] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

đ) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận nguyên tắc việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi). Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

3. Chấp thuận tổ chức lại:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, Hội đồng tổ chức lại gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ thì văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại không còn giá trị.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ nêu trên, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Hội đồng tổ chức lại xác nhận về việc đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

(i) Ra quyết định chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại.

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, quỹ tín dụng nhân dân sau khi

tổ chức lại thực hiện các thủ tục đăng ký hợp tác xã hoặc thủ tục thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo quy định của pháp luật; công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này; tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật (đối với quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới) và có văn bản báo cáo về việc hoàn tất việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép hết hiệu lực theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất có trách nhiệm nộp lại Giấy phép đã hết hiệu lực cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Điều 14. Sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt

1. Việc đề xuất và quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 147a Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được quyết định chủ trương sáp nhập, hợp nhất, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Điều 149a và Điều 149b Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Điều 149a Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

4. Việc tổ chức thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 149d Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép hết hiệu lực theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất có trách nhiệm nộp lại Giấy phép đã hết hiệu lực cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Chương III
THU HỒI GIẤY PHÉP, THANH LÝ TÀI SẢN CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 15. Các hành vi không được thực hiện trong quá trình thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân

Kể từ ngày Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thông qua đề nghị thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ đề nghị giải thể, quỹ tín dụng nhân dân, người quản lý, người điều hành, người lao động của quỹ tín dụng nhân dân không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Cất giấu, tẩu tán tài sản của quỹ tín dụng nhân dân, hoàn trả vốn góp của thành viên.

2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.

3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

4. Cầm cố, thế chấp, tặng cho và cho thuê tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

5. Ký kết thỏa thuận, hợp đồng mới trừ các thỏa thuận, hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt hoạt động.

6. Chuyển tiền, tài sản của quỹ tín dụng nhân dân ra nước ngoài.

Mục 2
THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 16. Các trường hợp thu hồi Giấy phép

1. Quỹ tín dụng nhân dân tự nguyện xin giải thể khi có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép.

3. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép.

4. Quỹ tín dụng nhân dân vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động.

5. Quỹ tín dụng nhân dân không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.

6. Quỹ tín dụng nhân dân bị chia, sáp nhập, hợp nhất, phá sản.

7. Quỹ tín dụng nhân dân hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận bằng văn bản.

Điều 17. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện

1. Chấp thuận đề nghị giải thể:

a) Quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ đề nghị giải thể theo quy định tại khoản 4 Điều này và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân về việc xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ;

c)[4] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản lấy ý kiến của:

(i) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính về việc giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự ổn định chính trị, kinh tế - xã hội trên địa bàn;

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

(ii) Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam về ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép;

d)[5] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, các đơn vị được lấy ý kiến quy định tại điểm c khoản này có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị;

đ) Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

(i) Có quyết định chấp thuận giải thể, phê duyệt Phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân, yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân thành lập Hội đồng thanh lý và tiến hành thanh lý tài sản; có quyết định thành lập Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại Điều 27 Thông tư này; hoặc

(ii) Có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản giải trình của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, xử lý theo quy định tại điểm đ(i) Khoản này; hoặc

(iii) Có văn bản từ chối chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân và nêu rõ lý do.

2. Thanh lý tài sản:

a) Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định chấp thuận giải thể, quỹ tín dụng nhân dân phải dừng các hoạt động kinh doanh được ghi trong Giấy phép;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định chấp thuận giải thể, quỹ tín dụng nhân dân phải thành lập Hội đồng thanh lý và tiến hành thanh lý tài sản theo Phương án thanh lý tài sản đã được phê duyệt, tuân thủ quy định tại Mục 3 Chương III Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

---

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị kết thúc thanh lý (bao gồm cả đề nghị kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý quy định tại điểm c Khoản này, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị kết thúc thanh lý (bao gồm cả đề nghị kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

đ) Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân, nếu phát hiện quỹ tín dụng nhân dân không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết quả thanh lý, đề nghị cho kết thúc thanh lý và yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật.

3. Thu hồi Giấy phép:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, có quyết định:

a) Kết thúc thanh lý và thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân; hoặc

b) Kết thúc thanh lý quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện các thủ tục phá sản và thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này.

4. Hồ sơ đề nghị giải thể bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giải thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân ký, trong đó nêu rõ lý do đề nghị được giải thể, khả năng thanh toán hết nợ và các biện pháp xử lý sau khi giải thể;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thông qua việc giải thể, thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân và Phương án thanh lý tài sản;

c) Phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều 25 Thông tư này;

d) Báo cáo tài chính của quỹ tín dụng nhân dân (bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán độc lập hằng năm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng) quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị giải thể chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán, quỹ tín dụng nhân dân nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo. Quỹ tín dụng nhân dân phải chịu trách nhiệm về nội dung báo tài chính đã nộp.

Quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt không phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập theo quy định tại điểm này.

Điều 18. Thủ tục thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân bị thu hồi Giấy phép quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 16 Thông tư này

1. Căn cứ kết luận thanh tra, báo cáo kết quả giám sát, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 16 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ đề nghị giải thể.

Đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất của Ban kiểm soát đặc biệt về chủ trương giải thể quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trình Thống đốc (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương giải thể quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Chính phủ về chủ trương giải thể đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt lập hồ sơ đề nghị giải thể.

2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại khoản 1 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ đề nghị giải thể theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 17 Thông tư này.

4. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 17, Mục 3 Chương III Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

Điều 19. Thu hồi Giấy phép trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, phá sản

1. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, trình tự thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định về tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân tại khoản 5 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân phá sản, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 20. Công bố thông tin về thu hồi Giấy phép và thực hiện thủ tục chấm dứt pháp nhân

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có hiệu lực, quỹ tín dụng nhân dân phải công bố trên một tờ báo in hằng ngày trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong 03 số liên tiếp và phải niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở chính, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trong 07 ngày làm việc các thông tin sau đây:

a) Số, ngày quyết định của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấp thuận giải thể;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

c) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

d) Vốn điều lệ;

đ) Người đại diện theo pháp luật.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực:

a) Quỹ tín dụng nhân dân phải công bố quyết định thu hồi Giấy phép trên một tờ báo in hằng ngày trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong 03 số liên tiếp, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính; niêm yết tại trụ sở chính, phòng giao dịch, điểm giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước việc thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội quỹ tín dụng nhân dân.

3. Trường hợp thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

4. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện các thủ tục chấm dứt pháp nhân theo quy định của pháp luật.

Mục 3
THANH LÝ TÀI SẢN CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 21. Thời hạn thanh lý

1. Thời hạn thanh lý là 12 tháng kể từ ngày quyết định chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có hiệu lực.

2. Thời hạn thanh lý quỹ tín dụng nhân dân có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 12 tháng.

3. Trong quá trình thanh lý, nếu xét thấy không có khả năng kết thúc thanh lý đúng hạn, trước ngày kết thúc thời hạn thanh lý 30 ngày, Hội đồng thanh lý phải có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, trong đó nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời gian gia hạn thanh lý.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn thanh lý của Hội đồng thanh lý, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gia hạn hoặc không gia hạn thời hạn thanh lý quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 22. Kết thúc thanh lý

Quỹ tín dụng nhân dân kết thúc thanh lý trong các trường hợp sau:

1. Quỹ tín dụng nhân dân đã thanh toán hết các khoản nợ cho các chủ nợ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 26 Thông tư này.

2. Quỹ tín dụng nhân dân không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho các chủ nợ.

3. Hết thời hạn thanh lý theo quy định, kể cả thời gian gia hạn (nếu có).

Điều 23. Hội đồng thanh lý

1. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện, Hội đồng thanh lý do Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân.

2. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân bị thu hồi Giấy phép, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định thành phần Hội đồng thanh lý như sau:

a) Thành phần theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này trên cơ sở đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân; hoặc

b) Thành phần khác do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không đề nghị thành phần theo quy định tại khoản 3, 4 Điều này.

3. Thành phần Hội đồng thanh lý quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc, Kế toán trưởng và tất cả các thành viên của quỹ tín dụng nhân dân có vốn góp từ 5% vốn điều lệ trở lên và 05 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại quỹ tín dụng nhân dân (trong trường hợp các khách hàng này đồng ý tham gia Hội đồng thanh lý) tại thời điểm đề nghị giải thể hoặc thời điểm Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ đề nghị giải thể.

Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc, Kế toán trưởng quỹ tín dụng nhân dân, Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân lựa chọn người thay thế những thành viên này tham gia Hội đồng thanh lý.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân tổ chức họp để bầu một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại để đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý.

Điều 24. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng thanh lý

1. Hội đồng thanh lý được sử dụng con dấu của quỹ tín dụng nhân dân trong quá trình thanh lý quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thanh lý có trách nhiệm:

a) Rà soát toàn bộ các khoản mục của tài sản có và tài sản nợ, các khoản mục ngoại bảng của bảng cân đối kế toán của quỹ tín dụng nhân dân, lập danh sách và số tiền của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân và danh mục tài sản của quỹ tín dụng nhân dân để xử lý;

b) Thực hiện thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân theo phương án thanh lý được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt, tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, tìm mọi biện pháp để thu hồi nợ và các tài sản của quỹ tín dụng nhân dân. Mọi khoản thu của quỹ tín dụng nhân dân phải được sử dụng để thanh toán cho các chủ nợ theo quy định tại Điều 26 Thông tư này;

c) Định kỳ ngày 10 hằng tháng hoặc khi cần thiết, báo cáo Tổ giám sát thanh lý về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và chi trả cho các chủ nợ của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Chi phí hoạt động của Hội đồng thanh lý do quỹ tín dụng nhân dân chi trả. Việc hạch toán chi phí hoạt động của Hội đồng thanh lý phải tuân thủ quy định của pháp luật về chế độ tài chính đối với quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 25. Phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân

Phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân phải được Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thông qua và tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử (nếu có) của quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân.

3. Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của từng thành viên).

4. Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực của vốn điều lệ, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm đề nghị giải thể hoặc thời điểm Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân thực hiện thanh lý tài sản; trong đó xác định rõ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác; thời hạn thanh toán nợ và thanh lý các hợp đồng.

5. Danh sách thành viên góp vốn và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên.

6. Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý, phương án phân chia tài sản.

7. Phương án lưu trữ hồ sơ, tài liệu sau khi thu hồi Giấy phép.

8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép.

Điều 26. Xử lý khoản nợ có bảo đảm, thứ tự phân chia tài sản

1. Việc xử lý khoản nợ có bảo đảm của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc phân chia giá trị tài sản của quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản vay đặc biệt theo quy định tại Điều 146d Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung);

b) Các khoản lệ phí, chi phí thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

d) Các khoản chi trả cho người gửi tiền;

đ) Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

e) Các khoản nợ vay từ Quỹ bảo toàn;

g) Các khoản nợ vay từ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam;

h) Các khoản nợ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp giá trị tài sản của quỹ tín dụng nhân dân sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được chia cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thực hiện việc phân chia tài sản.

4. Quỹ tín dụng nhân dân không được chia cho thành viên vốn và tài sản chung do Nhà nước trợ cấp (vốn do Nhà nước trợ cấp, công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư) mà phải chuyển giao cho chính quyền địa phương quản lý. Đối với đất do Nhà nước giao cho quỹ tín dụng nhân dân sử dụng được xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

Mục 4
GIÁM SÁT THANH LÝ TÀI SẢN CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 27. Tổ giám sát thanh lý

1. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quyết định việc thành lập Tổ giám sát thanh lý để giám sát việc thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, chỉ định Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ Giám sát thanh lý.

2.[6] Tổ giám sát thanh lý có tối thiểu 03 thành viên bao gồm đại diện Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (trong trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cho quỹ tín dụng nhân dân vay đặc biệt).

3. Thành viên Tổ giám sát thanh lý không phải là một trong những người sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc, thành viên của quỹ tín dụng nhân dân bị thanh lý, thành viên Hội đồng thanh lý của quỹ tín dụng nhân dân bị thanh lý;

b) Người có liên quan của các thành viên quy định tại điểm a Khoản này.

Điều 28. Cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý

1. Các thành viên Tổ giám sát thanh lý làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm.

2. Tổ giám sát thanh lý chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi quỹ tín dụng nhân dân bị thu hồi Giấy phép đặt trụ sở chính và Thống đốc về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

3. Tổ giám sát thanh lý sử dụng con dấu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong các văn bản. Báo cáo của Tổ giám sát thanh lý do Tổ trưởng ký.

4. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và các thành viên chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

5. Phiên họp của Tổ giám sát thanh lý chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ giám sát thanh lý chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp. Trường hợp có số phiếu biểu quyết hợp lệ ngang nhau thì quyền quyết định thuộc về Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý.

6. Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định kết thúc thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp kết thúc thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản, Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để kiểm soát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 29. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý

1. Chỉ đạo, giám sát quỹ tín dụng nhân dân kiểm kê toàn bộ công nợ, các khoản phải thu, phải trả; yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân mời các chủ nợ, khách nợ đến đối chiếu để xác định khả năng thanh toán và nguồn trả nợ.

2. Yêu cầu Hội đồng thanh lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong quá trình thanh lý tài sản, thực hiện việc chi trả cho các chủ nợ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.

3. Giám sát toàn bộ quá trình thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

4. Định kỳ ngày 15 hằng tháng hoặc đột xuất, báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp cần thiết, báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản đề nghị các cơ quan liên quan hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân thu hồi các khoản phải thu.

5. Đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định đình chỉ hoạt động của thành viên Hội đồng thanh lý cố ý vi phạm pháp luật hoặc không thực hiện theo phương án thanh lý hoặc từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trình Thống đốc có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cá nhân sai phạm (nếu có).

6. Kiến nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xử lý những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

7. Báo cáo Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định kết thúc thanh lý và yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 17 Thông tư này.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 30. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân

1. Trách nhiệm về tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân:

a) Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại có trách nhiệm thực hiện các quy định có liên quan theo quy định tại Thông tư này;

b) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và phải bảo đảm an toàn tuyệt đối về tài sản của quỹ tín dụng nhân dân đến khi hoàn thành tổ chức lại theo phương án tổ chức lại được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt;

c) Sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại chủ động chuẩn bị cho công tác bàn giao và phải bàn giao ngay toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ và các vấn đề có liên quan khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyết định chấp thuận tổ chức lại;

d) Sau khi tổ chức lại, nếu phát hiện có những vấn đề ngoài sổ sách hoặc không được bàn giao, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên chuyên trách, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trách nhiệm về việc giải thể, thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ đề nghị thu hồi Giấy phép;

b) Cung cấp đầy đủ, trung thực toàn bộ thực trạng về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân phục vụ cho việc thanh lý tài sản;

c) Thực hiện chế độ báo cáo và các quy định khác liên quan việc giải thể, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân theo đúng quy định tại Thông tư này.

Điều 31. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

1. Trách nhiệm về việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân:

a) Đầu mối tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

b) Có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

c) Có quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức lại đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, sửa đổi Giấy phép và chấp thuận các nội dung thay đổi của quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập; cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới;

d)[7] Thanh tra các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện tổ chức lại theo đúng các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm về việc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân:

a) Có quyết định thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, công bố Quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại Thông tư này;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến việc thành lập Tổ giám sát thanh lý;

---

[7] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

c) Tiếp nhận báo cáo của Tổ giám sát thanh lý về tình hình hoạt động và diễn biến quá trình thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân. Trong trường hợp cần thiết có văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

d) Xem xét, quyết định đình chỉ thành viên Hội đồng thanh lý của quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở đề nghị của Tổ giám sát thanh lý. Trường hợp nghiêm trọng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trình Thống đốc có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cá nhân sai phạm;

đ) Có quyết định kết thúc thanh lý quỹ tín dụng nhân dân, yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân hoặc nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật về phá sản;

e) Xử lý kiến nghị liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

3. Trách nhiệm về việc báo cáo Ngân hàng Nhà nước:

a) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận nguyên tắc, quyết định chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh gửi Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) văn bản chấp thuận nguyên tắc kèm phương án tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, quyết định chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân, quyết định kết thúc thanh lý và thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân (bao gồm cả trường hợp kết thúc thanh lý quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện các thủ tục phá sản), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh gửi Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) văn bản chấp thuận giải thể kèm phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân, quyết định kết thúc thanh lý và thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân;

c) Định kỳ hằng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo tháng cuối quý, báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình chấp thuận tổ chức lại, thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn (nếu có phát sinh).

Điều 32. Trách nhiệm của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng [8]

1. Đầu mối tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về tình hình chấp thuận tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 31 Thông tư này.

2. Đầu mối tham mưu, trình Thống đốc quyết định việc sửa đổi, bổ sung quy định có liên quan đến tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân.

3. Đầu mối tham mưu, trình Thống đốc trong việc xem xét, trình Chính phủ quyết định chủ trương giải thể quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH [9]

Điều 33. Quy định chuyển tiếp

---

[8] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019.

[9] Điều 6 và điều 7 của Thông tư số 13/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện:***

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, Tổng Giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 7. Điều khoản thi hành:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2019, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều 2 Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2019./."

Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân đã được chấp thuận tổ chức lại, chấp thuận giải thể, quỹ tín dụng nhân dân đã có quyết định thu hồi Giấy phép và đang thực hiện thanh lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc tổ chức lại, giải thể, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm được chấp thuận tổ chức lại, chấp thuận giải thể, có quyết định thu hồi Giấy phép.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

2. Bãi bỏ các văn bản sau đây:

a) Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước;

b) Quyết định số 26/2008/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 9 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động quỹ tín dụng nhân dân; mở, chấm dứt hoạt động Sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện và phòng giao dịch, điểm giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân; thanh lý quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 24/2006/QĐ-NHNN ngày 06 tháng 6 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 35. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Phụ lục 01
Mẫu đơn đề nghị chấp thuận chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
TỔ CHỨC LẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Kính gửi:

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số...../20.../TT-NHNN ngày..... tháng.... năm 20... của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

..... đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố..... xem xét và chấp thuận nội dung sau:

A. Nội dung đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân

☐ Chia ☐ Tách ☐ Sáp nhập ☐ Hợp nhất

B. Các quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại

I. Quỹ tín dụng nhân dân A

1. Số Giấy phép thành lập và hoạt động, ngày cấp Giấy phép.

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính.

3. Vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân).

4. Năm thành lập.

5. Nội dung hoạt động.

6. Đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân (họ và tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân hoặc số hộ chiếu).

7. Vai trò của quỹ tín dụng nhân dân trong việc tổ chức lại (bị chia/bị tách/nhận sáp nhập/sáp nhập/tham gia hợp nhất).

II. Quỹ tín dụng nhân dân B (nếu có):

(Nội dung tương tự như điểm I mục B Đơn này).

C. Quỹ tín dụng nhân dân hình thành sau tổ chức lại

I. Quỹ tín dụng nhân dân C:

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân.

2. Địa chỉ dự kiến đặt trụ sở chính.

3. Vốn điều lệ dự kiến.

4. Nội dung hoạt động dự kiến.

II. Quỹ tín dụng nhân dân D (nếu có):

(Nội dung tương tự như điểm I mục C Đơn này).

D. Lý do tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

Đ. Hồ sơ kèm theo

1. .....

2. .....

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước.

...., ngày..... tháng..... năm....
Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Phụ lục 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân)

Ảnh hộ chiếu (4x6)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Về bản thân:

a) Họ và tên khai sinh

b) Họ và tên thường gọi

c) Bí danh

d) Ngày, tháng, năm sinh

đ) Nơi sinh

e) Quốc tịch (các quốc tịch hiện có)

g) Địa chỉ thường trú theo hộ khẩu, địa chỉ theo Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân, địa chỉ cư trú hiện nay

k) Số Chứng minh nhân dân/thẻ Căn cước công dân (hoặc hộ chiếu/giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác); ngày, tháng năm và nơi cấp

l) Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện; tỷ lệ vốn góp được đại diện.

2. Trình độ học vấn:

- Giáo dục phổ thông

- Học hàm, học vị (nêu rõ tên, địa chỉ trường; chuyên ngành học; thời gian học; bằng cấp (liệt kê đầy đủ các bằng cấp).

3. Quá trình công tác:

- Nghề nghiệp, đơn vị, chức vụ công tác từ năm 18 tuổi đến nay[(1)]:

STT	Thời gian (từ tháng/năm đến tháng/năm)(2)	Đơn vị công tác	Chức vụ	Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp	Ghi chú

- Khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân hàng.

4. Năng lực hành vi dân sự(3)

5. Cam kết trước pháp luật

Tôi cam kết:

- Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh..... tại quỹ tín dụng nhân dân;

- Thông báo cho quỹ tín dụng nhân dân về các thay đổi phát sinh liên quan đến nội dung bản khai trong thời gian Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đang xem xét đề nghị của..... (tên quỹ tín dụng nhân dân);

- Các thông tin cá nhân Tôi cung cấp cho quỹ tín dụng nhân dân để đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, chấp thuận tổ chức lại là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.
1. Người khai phải kê khai đầy đủ công việc, đơn vị công tác, các chức vụ đã và đang nắm giữ.
2. Phải đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian;
3. Ghi cụ thể: đầy đủ/không đầy đủ/mất năng lực hành vi dân sự.
Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Phụ lục 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.....

STT	Người khai và "người có liên quan" của người khai	Số/ngày CMND hoặc CCCD(1)/ Hộ chiếu	Mối quan hệ với người khai	Chức vụ tại QTDND(2)	Tỷ lệ góp vốn tại QTDND(3)
I	**Người kê khai**				
1	Nguyễn Văn A		Người khai		
...					
II	**Người có liên quan**				
1	Nguyễn Thị B		Vợ		
...					

Tôi cam kết các thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin kê khai nêu trên.

..., ngày... tháng... năm.....
Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Người khai kê khai đầy đủ nội dung các cột. Trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có.

(1) Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân.

(2) Chức vụ tại quỹ tín dụng nhân dân đề nghị chấp thuận tổ chức lại.

(3) Tỷ lệ vốn góp (đối với thành viên là cá nhân, hộ gia đình) hoặc tỷ lệ vốn góp đại diện (đối với thành viên là pháp nhân) tại quỹ tín dụng nhân dân đề nghị chấp thuận tổ chức lại.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 19/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2019
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn